

Số 26.01484
26.1402/4QT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

04/7/2026
Trang 1/5

- | | |
|-------------------------------------|--|
| 1. Đơn vị gửi mẫu | : PHÒNG QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG
(Thu và phân tích mẫu phục vụ giám sát nước thải sau HTXLNT của các KCN trên địa bàn Tp.Đồng Nai năm 2026) |
| 2. Nơi lấy mẫu | : KCN Dệt may Nhơn Trạch, P.Nhơn Trạch, Tp.Đồng Nai |
| 3. Tên mẫu và ký hiệu mẫu | : Nước thải - N-VINATEX |
| 4. Mô tả mẫu | : Mẫu có niêm phong (tem số: 031177-031179; C4149-C4153) (Đính kèm hình ảnh trang 5/5) |
| 5. Ngày lấy mẫu | : 19/6/2026
Ngày nhận mẫu : 19/6/2026 |
| 6. Phương pháp lấy mẫu | : TCVN 5999:1995; TCVN 6663-1:2011; TCVN 8880:2011 |
| 7. Điều kiện môi trường lúc lấy mẫu | : Xem phiếu thu mẫu hiện trường số 05/6 |
| 8. Thời gian thử nghiệm | : 19/6/2026 - 02/7/2026 |
| 9. Thời gian lưu mẫu | : 05 ngày kể từ ngày trả kết quả |
| 10. Kết quả | : Xem trang 2-4/5 |

PHỤ TRÁCH PHÒNG PTTN

Dương Thị Thanh Phương

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Phạm Thị Phương Lan

1. Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm
2. Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản
3. Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng



VILAS 058

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI

518 - 520 Đồng Khởi, phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai

Điện thoại: 0251 3895673 - Fax: 0251 3894080

Số 26.01484
26.1402/4QT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

04/7/2026

Trang 2/5

STT	Thông số	Phương pháp thử	STT	Thông số	Phương pháp thử
1	BOD ₅ ⁽¹⁾⁽²⁾	SMEWW 5210 B:2023	11	Tổng xyanua ⁽¹⁾⁽²⁾	TCVN 6181:1996
2	As ⁽¹⁾⁽²⁾	SMEWW 3114 B:2023	12	Tổng phenol ⁽¹⁾⁽²⁾	TCVN 6216:1996
3	Hg ⁽¹⁾⁽²⁾	TCVN 7877:2008	13	Tổng dầu mỡ khoáng ⁽¹⁾⁽²⁾	SMEWW 5520 B&F:2023
4	Pb ⁽¹⁾⁽²⁾	SMEWW 3120 B:2023	14	F ⁻⁽¹⁾⁽²⁾	SMEWW 4500-F ⁻ B&D:2023
5	Cd ⁽¹⁾⁽²⁾		15	Cl ₂ ⁽¹⁾⁽²⁾	SMEWW 4500-Cl G:2023
6	Cr ⁶⁺⁽¹⁾⁽²⁾	SMEWW 3500-Cr B:2023	16	Tổng nitơ ⁽¹⁾⁽²⁾	TCVN 6638:2000
7	Cr ³⁺⁽¹⁾⁽⁴⁾	SMEWW 3500-Cr B:2023	17	Tổng photpho ⁽¹⁾⁽²⁾	TCVN 6202:2008
		SMEWW 3120 B:2023	18	Coliform ⁽¹⁾⁽²⁾	SMEWW 9221 B:2023
8	Zn ⁽¹⁾⁽²⁾	SMEWW 3120 B:2023			
9	Ni ⁽¹⁾⁽²⁾				
10	Fe ⁽¹⁾⁽²⁾	TCVN 6177:1996			

Chú thích :

SMEWW : Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater

(1) : Thông số được chứng nhận Vimcerts

(2): Thông số được công nhận Vilas

(4): Thông số chưa được công nhận Vilas

1. Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm

2. Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản

3. Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng



VILAS 058

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
518 - 520 Đồng Khởi, phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai
Điện thoại: 0251 3895673 - Fax: 0251 3894080

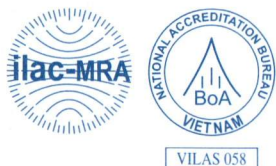
Số 26.01484
26.1402/4QT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

04/7/2026
Trang 3/5

Ký hiệu mẫu	BOD ₅	As	Hg	Pb	Cd	Cr ⁶⁺	Cr ³⁺	Zn
	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L
4 N-VINATEX	7,8	<0,001	<0,0005	<0,01	<0,001	<0,01	<0,01	<0,05
QCVN 40:2011/BTNMT Cột A Kq=0,9; Kf=0,9	24,3	0,0405	0,00405	0,081	0,0405	0,0405	0,162	2,43

1. Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm
2. Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản
3. Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng



Số 26.01484
26.1402/4QT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

04/7/2026
Trang 4/5

Ký hiệu mẫu		Ni	Fe	Tổng xyanua	Tổng phenol	Tổng dầu mỡ khoáng	F ⁻	Cl ₂	Tổng nitơ	Tổng photpho	Coliform
		mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	MPN/100 mL
4	N-VINATEX	<0,01	0,54	0,0292	<0,004	<3	1,41	0,17	7,03	0,045	2,3x10 ¹
QCVN 40:2011/BTNMT Cột A Kq=0,9; Kf=0,9		0,162	0,81	0,0567	0,081	4,05	4,05	0,81	16,2	3,24	3000

- Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm
- Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản
- Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng

Số 26.01484
26.1402/4QT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

04/7/2026

Trang 5/5



1. Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm.
2. Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường bằng văn bản.
3. Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.